



**BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
RESEARCH BULLETIN**

SỐ 5 - THÁNG 5/2019 - VOLUME: – APRIL 2019

LƯU HÀNH NỘI BỘ

® Bản tin này được tổng hợp từ các báo cáo, đề tài nghiên cứu định kỳ hàng tháng liên quan đến lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân hàng của các tổ chức quốc tế WB, ADB, IMF, BIS và thông tin kết quả nghiên cứu của các đề tài cấp nhà nước, cấp ngành của NHNN, các Bộ, ngành TW của Việt Nam, các thông tin Hội thảo của các Viện nghiên cứu, trường đại học, ấn phẩm khoa học của các NXB có uy tín tại Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật về báo chí và bản quyền.

® Mọi quan điểm, nội dung trong Bản tin đều được dịch hoặc căn cứ vào thông tin khoa học chính thống, chỉ có hàm ý cung cấp thông tin tham khảo mà không phản ánh ý kiến hay quan điểm của Ban Biên tập cũng như của Viện CLNH. Người đọc chỉ nên sử dụng Bản tin nội bộ như là thông tin tham khảo.

**CHỊU TRÁCH NHIỆM
XUẤT BẢN**

**VIỆN CHIẾN LƯỢC
NGÂN HÀNG**

Bản tin phát hành định kỳ hàng tháng, được gửi trực tiếp qua email và đăng tải trên Cổng thông tin khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng:
khoa hocnganhang.org.vn

Liên hệ

Email:
research.bsi@sbv.gov.vn

**NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM**

Địa chỉ:
Tầng 9, tòa nhà 504 Xã Đàn,
quận Đống Đa,
Tp. Hà Nội.



THÔNG TIN KHOA HỌC QUỐC TẾ**NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ**

Những công ty công nghệ lớn (BigTech) và sự thay đổi cấu trúc trung gian tài chính	Lựa chọn đối nghịch và chứng chỉ tín dụng: Bằng chứng từ sàn giao dịch P2P	Tài chính toàn diện, Quy định, Hiểu biết và giáo dục về tài chính tại Trung Á và Nam Kavkaz	Các vấn đề về khái niệm trong việc hiệu chỉnh bộ đệm vốn ngược chu kỳ theo Basel III
Nghiên cứu đánh giá yếu tố thúc đẩy và ảnh hưởng của sự phát triển của các công ty công nghệ lớn – BigTech trong khu vực tài chính. Chi tiết	Chứng chỉ có thể đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo hiệu quả đầu tư. Chi tiết	Cuốn sách này khảo sát kinh nghiệm của các quốc gia tại Trung Á và Nam Kavkaz để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính của các hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp nhỏ. Chi tiết	Bài viết này thảo luận các vấn đề trong việc hiệu chỉnh bộ đệm vốn ngược chu kỳ (CCB) dựa trên mẫu nghiên cứu là các nước EU. Chi tiết
Tài chính toàn diện ở khu vực Châu Âu và Trung Á: Các xu hướng gần đây và chương trình nghiên cứu	Chính sách an toàn vĩ mô tại các nền kinh tế châu Á		
Tài chính toàn diện có thể giúp thúc đẩy phát triển. Hệ thống tài chính được phổ cập cho phép mọi người đầu tư vào giáo dục và y tế, tiết kiệm dành cho nghỉ hưu, tận dụng các cơ hội kinh doanh và đối mặt với các cú sốc. Chi tiết	Bài viết này nghiên cứu về hiệu quả của các chính sách tài khoản vốn đối với 11 nền kinh tế mới nổi ở châu Á từ năm 2000 đến 2015. Chi tiết		

NGHIÊN CỨU QUỐC TÊ CHUYÊN SÂU

TIỀN ĐIỆN TỬ - PHÂN TÍCH SO SÁNH CÁC QUY ĐỊNH TẠI LIÊN MINH CHÂU ÂU, HOA KỲ VÀ UKRAINE

Để phân tích các quy định quản lý việc phát hành và sử dụng tiền điện tử tại châu Âu, Mỹ và Ukraina, đầu tiên, cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng từng định nghĩa về tiền điện tử và xác định các cấu phần hình thành nên tiền điện tử ở mỗi một khu vực pháp lý này. Tiếp theo, phân tích những người có thể phát hành tiền điện tử, các yêu cầu chính đối với những người này, và cách thức quản lý việc phát hành tiền điện tử tại Liên minh châu Âu, Mỹ và Ukraina. Chương này sẽ lần lượt thảo luận về mỗi một vấn đề trên và cung cấp tổng quan về khuôn khổ pháp lý đối với việc phát hành tiền điện tử ở các khu vực pháp lý nói trên. [Chi tiết](#)

NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

THÔNG TIN ĐỀ TÀI TRONG NƯỚC

MÃ SỐ	TÊN ĐỀ TÀI	CHỦ NHIỆM
DANH.003/17	Nghiên cứu triển khai phương thức thanh toán BPO tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. (Chi tiết)	ThS. Đào Minh Tuấn - Phó Tổng giám đốc, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
ĐTNH.025/17	ThS. Đào Minh Tuấn - Phó Tổng giám đốc, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. (Chi tiết)	TS. Phan Thanh Đức, Trưởng Khoa - Khoa Hệ thống thông tin quản lý, Học viện Ngân hàng
ĐTNH.007/17	Thực thi pháp luật về quản trị công ty đối với các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam. (Chi tiết)	TS. Bùi Hữu Toàn

HỘI THẢO KHOA HỌC	ẤN PHẨM KHOA HỌC
THỨC ĐẨY TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN VÀ PHÁT TRIỂN THANH TOÁN ĐIỆN TỬ TRONG XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA NỀN KINH TẾ KHÔNG DỪNG TIỀN MẶT. (Chi tiết)	CUỘC CÁCH MẠNG NỀN TẢNG. (Chi tiết)
HỘI THẢO ĐÀO TẠO IPAF LẦN THỨ 6. (Chi tiết)	

BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ**1. Những công ty công nghệ lớn (BigTech) và sự thay đổi cấu trúc trung gian tài chính (BigTech and the changing structure of financial intermediation).**

Nguồn: BIS

Tác giả: Jon Frost; Leonardo Gambacorta; Yi Huang; Hyun Song Shin & Pablo Zbinden

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu hoạt động của các định chế tài chính

Ngày xuất bản: 08/04/2019

Tác giả cân nhắc yếu tố thúc đẩy và ảnh hưởng của sự phát triển của các công ty công nghệ lớn – BigTech trong khu vực tài chính – như việc cung cấp các dịch vụ tài chính của các công ty công nghệ lâu đời trên thị trường các dịch vụ số. Doanh nghiệp BigTech thường bắt đầu với dịch vụ thanh toán. Sau đó, một số doanh nghiệp mở rộng thêm mảng tín dụng, bảo hiểm, tiết kiệm và đầu tư, bằng cách trực tiếp hoặc hợp tác với các đối tác là các định chế tài chính. Tập trung vào tín dụng, tác giả chỉ ra rằng doanh nghiệp BigTech cho vay nhiều hơn ở các quốc gia có khu vực ngân hàng cạnh tranh thấp hơn và quy định ít nghiêm ngặt hơn. Phân tích trường hợp của Argentina, tác giả tìm thấy bằng chứng ủng hộ cho luận điểm rằng những đơn vị cho vay như BigTech có thuận lợi hơn về thông tin khi đánh giá tín dụng so với những đơn vị tín dụng truyền thống. Đối với người vay ở cả Argentina và Trung Quốc, tác giả nhận ra các doanh nghiệp đã tiếp cận tín dụng đã mở rộng cung cấp sản phẩm hơn so với những doanh nghiệp còn lại. Còn quá sớm để đánh giá mức độ thâm nhập của BigTech vào các dịch vụ tài chính. Tuy nhiên, bằng chứng bước đầu cho phép chúng ta đặt ra những câu hỏi thích hợp về những tác động của các doanh nghiệp này đến sự ổn định tài chính và tổng phúc lợi kinh tế.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Lựa chọn đối nghịch và chứng chỉ tín dụng: Bằng chứng từ sàn giao dịch P2P (Adverse Selection and Credit Certificates: Evidence from a P2P Platform).

Nguồn: ADB

Tác giả: N/A

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 11/04/2019

Các chứng chỉ đang được sử dụng rộng rãi như một cơ chế phát tín hiệu để giảm thiểu lựa chọn đối nghịch khi các thông tin bất cân xứng. Để giảm tình trạng bất cân xứng thông tin giữa người cho vay và người đi vay, các sàn cho vay P2P của Trung Quốc khuyến khích người đi vay đạt được một số chứng chỉ tín dụng. Khi các thị trường P2P tiếp tục phát triển, có khả năng là việc cấp chứng chỉ có thể đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo tính hiệu quả đầu tư. Các tác giả đã thực hiện điều tra thực nghiệm ban đầu về vấn đề này, sử dụng dữ liệu độc nhất từ Renrendai, một trong các sàn cho vay P2P lớn nhất của Trung Quốc. Kết quả cho thấy đáng ngạc nhiên là các khoản vay

với nhiều chứng chỉ tín dụng hơn có tỷ lệ quá hạn và phá sản cao hơn. Tuy nhiên, các đơn vị cho vay vẫn bị thu hút bởi các chứng chỉ cao hơn bất chấp hiệu quả khoản vay thấp hơn trên thực tế sau đó, điều này dẫn đến việc phân bổ vốn bị méo mó và hiệu quả đầu tư giảm xuống. Tổng quan, các tác giả ghi nhận một thiết lập ở đó các chứng chỉ tín dụng không thể đóng vai trò là một tín hiệu chính xác do bản chất không tồn kém của nó, khi đó người đi vay có chất lượng thấp sử dụng nhiều chứng chỉ hơn để nâng cấp hồ sơ tín dụng của mình và cải thiện khả năng thành công. Các lý giải có thể cho hiện tượng này gồm sự khác biệt trong lợi ích cận biên của các chứng chỉ đối với các loại hình đối tượng đi vay khác nhau, tính hợp lý bị ràng buộc, đơn giản hóa nhận thức và tầm nhìn gần của người đi vay.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

3. Tài chính toàn diện, Quy định, Hiểu biết và giáo dục về tài chính tại Trung Á và Nam Kavkaz (Financial Inclusion, Regulation, Literacy, and Education in Central Asia and South Caucasus).

Nguồn: ADB

Tác giả: N/A

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 11/04/2019

"Tài chính toàn diện đang nhận được sự quan tâm ngày càng lớn do tiềm năng đóng góp vào phát triển kinh tế và tài chính, khi thúc đẩy tăng trưởng toàn diện và tăng cường bình đẳng trong thu nhập. Đồng thời, sự cải thiện trong hiểu biết về tài chính cần được thực hiện để các cá nhân và doanh nghiệp nhỏ có thể tận dụng được việc gia tăng tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ tài chính. Mặc dù nhiều tiến bộ đã đạt được, nhưng vẫn còn nhiều việc để làm. Các nền kinh tế mới nổi tại Trung Á và Nam Kavkaz đang đối mặt với thách thức đặc trưng của khi vực này từ hậu quả của sự sụp đổ của Liên Xô và những gián đoạn kinh tế và tài chính tiếp theo.

Cuốn sách này khảo sát kinh nghiệm của bảy quốc gia, Armenia, Azerbaijan, Georgia, Kazakhstan, Cộng hòa Slovak, Tajikistan và Uzbekistan, để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng của các hộ gia đình thu nhập thấp và các doanh nghiệp nhỏ tiếp cận các dịch vụ tài chính, bao gồm hiểu biết về tài chính, các chương trình giáo dục tài chính, và khuôn khổ pháp lý về tài chính. Nó xác định các chính sách có thể cải thiện tiếp cận tài chính của họ trong khi duy trì sự ổn định tài chính và đảm bảo bảo vệ người tiêu dùng. Cuốn sách có một cách tiếp cận thực tế và toàn diện cho các vấn đề liên quan đến tài chính toàn diện. Ví dụ, các phương pháp mới để thúc đẩy tiếp cận tài chính, như ngân hàng điện thoại di động và tài chính vi mô, đòi hỏi những đổi mới tương ứng trong khuôn khổ, phạm vi và năng lực pháp lý. Hơn nữa, các quy định tài chính, giáo dục tài chính và chính sách bảo vệ người tiêu dùng cần được phối hợp để cho phép các hộ gia đình và doanh nghiệp nhỏ xây dựng niềm tin vào hệ thống tài chính chính thức."

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

4. Các vấn đề về khái niệm trong việc hiệu chỉnh bộ đệm vốn ngược chu kỳ theo Basel III (Conceptual Issues in Calibrating the Basel III Countercyclical Capital Buffer).

Nguồn: IMF

Tác giả: Torsten Wezel

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 30/04/2019

Bài viết này thảo luận các vấn đề trong việc hiệu chỉnh bộ đệm vốn ngược chu kỳ (CCB) dựa trên mẫu nghiên cứu là các nước EU. Nghiên cứu lập luận rằng chỉ tiêu chính để đưa ra các quyết định về đệm vốn trong khung khổ Basel III, chênh lệch tín dụng/GDP, không phải lúc nào cũng có hiệu quả tốt nhất trong việc bù đắp tổn thất tín dụng của ngân hàng mà vượt xa những gì có thể xảy ra trong suy thoái kinh tế. Thay vào đó, trong trường hợp các quốc gia có chu kỳ tài chính ngắn và/hoặc độ sâu tài chính thấp như các nền kinh tế chuyển đổi và đang phát triển, khoảng trống Basel được chứng minh là hoạt động hiệu quả khi được tính toán với hệ số thấp, và được hiệu chỉnh theo độ sâu tài chính. Nghiên cứu cũng phân tích các vấn đề trong việc hiệu chỉnh một quy mô phù hợp cho CCB và bằng cách sử dụng phương pháp hàm tổn thất (loss function), đã chỉ ra sự đánh đổi giữa tính ổn định của quy mô bộ đệm vốn và các thay đổi về hiệu quả chi phí.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

5. Tài chính toàn diện ở khu vực Châu Âu và Trung Á: Các xu hướng gần đây và chương trình nghiên cứu (Financial Inclusion in the Europe and Central Asia Region: Recent Trends and a Research Agenda).

Nguồn: WB

Tác giả Demirguc-Kunt, Asli; Hu, Bingjie & Klapper, Leora

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 24/04/2019

Tài chính toàn diện có thể giúp thúc đẩy phát triển. Hệ thống tài chính được phổ cập cho phép mọi người đầu tư vào giáo dục và y tế, tiết kiệm dành cho nghỉ hưu, tận dụng các cơ hội kinh doanh và đối mặt với các cú sốc. Ở khu vực Châu Âu và Trung Á, có sự khác biệt lớn trong tài chính toàn diện. Tại khu vực đồng Euro, đa số người trưởng thành đều đã sở hữu một tài khoản. Quyền sở hữu tài khoản – là bước đầu tiên để gia nhập hệ thống tài chính chính thức đã tăng lên ở các nước đang phát triển trong khu vực, đã lên tới 65% dân số trưởng thành từ mức 45% vào năm 2011. Tajikistan, Armenia, Moldova và Cộng hòa Slovak, Georgia là các quốc gia có sự gia tăng tỷ lệ này lớn nhất trên toàn cầu, mặc dù bắt đầu từ một cơ sở rất thấp. Những kinh nghiệm từ các quốc gia này đã nhấn mạnh vai trò tiềm năng của thanh toán kỹ thuật số trong việc thúc đẩy tài chính toàn diện. Tuy nhiên, gần 30% trong số những người trưởng thành không có tài khoản ngân hàng đã báo cáo rằng việc thiếu sự tin tưởng vào các

ngân hàng là một rào cản, con số này gần gấp đôi so với mức trung bình của quốc gia đang phát triển. Và trong một số quốc gia, khoảng cách giới tính và thu nhập trong việc sở hữu tài khoản vẫn còn đáng kể. Ví dụ, khoảng cách giới tính gần 30% điểm tại Thổ Nhĩ Kỳ, gấp 3 lần khoảng cách trung bình ở các nước đang phát triển. Tại Romani, khoảng cách giữa 60% dân số giàu nhất và 40% dân số nghèo nhất là 33 phần trăm điểm, nhiều hơn gấp đôi so với khoảng cách trung bình tại các quốc gia đang phát triển. Tuy nhiên có nhiều cơ hội để gia tăng sở hữu tài khoản. Hơn 80% những người không có tài khoản ngân hàng có một điện thoại di động và chỉ cần chuyển các khoản thanh toán lương hưu của khu vực công vào các tài khoản sẽ giảm số lượng người trưởng thành không có tài khoản trong khu vực này đến 20 triệu, bao gồm 8 triệu người chỉ riêng ở Liên Bang Nga. Do kinh nghiệm của các nước không giống nhau, có nhiều cơ hội để các quốc gia trong khu vực học hỏi lẫn nhau, giúp xây dựng một chương trình nghiên cứu và hoạt động phong phú sắp tới.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

6. Chính sách an toàn vĩ mô tại các nền kinh tế châu Á (Macroprudential Policy in Asian Economies).

Nguồn: ADB

Tác giả: N/A

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế

Ngày xuất bản: 16/04/2019

Bài viết phân tích chính sách an toàn vĩ mô tại 11 nền kinh tế châu Á kể từ năm 2000 và kiểm tra tác động của chính sách này lên ổn định tài chính và các biến số kinh tế vĩ mô chính. Các kết quả tìm được cho thấy các cơ quan chính sách có thể trải qua các xung đột chính sách để đạt được các mục tiêu ổn định tài chính và kinh tế vĩ mô. Kể từ khủng hoảng tài chính toàn cầu, các chính sách an toàn vĩ mô đã được tập trung chú ý đặc biệt nhằm đạt được ổn định kinh tế vĩ mô thông qua đảm bảo ổn định tài chính.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU**Tiền điện tử - Phân tích so sánh các quy định tại Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ và Ukraine***Trường Đại học trung ương châu Âu**Tháng 4/2014**(Kỳ 3)***2.2. Mỹ****2.2.1. Cơ quan kiểm soát và giám sát**

Tại Mỹ hoạt động của các đơn vị phát hành được kiểm soát và giám sát bởi nhiều cơ quan khác nhau. Ví dụ, các đơn vị phát hành tiền điện tử ngân hàng chịu sự giám sát của Văn phòng Kiểm soát Tiền tệ (Office of the Comptroller of the Currency (“OCC”) và Cơ quan bảo hiểm tiền gửi Liên bang.¹ OCC thực hiện một loạt các chức năng quản lý và giám sát trong khu vực ngân hàng Mỹ, chẳng hạn như, chấp thuận và không chấp thuận các thay đổi trong việc kiểm soát các ngân hàng quốc gia.² Cơ quan bảo hiểm tiền gửi liên bang chịu trách nhiệm bảo hiểm tiền gửi của các ngân hàng và các tổ chức tiết kiệm và các hoạt động kiểm tra của chúng.

Ngoài ra, UMSA thiết lập một số chức năng do cơ quan quản lý có thẩm quyền tại các bang thực hiện, được đề cập tới là “cơ quan giám sát”³ nhằm mục đích giám sát và quản lý những người thực hiện các hoạt động chuyển tiền. Theo UMSA, cơ quan giám sát sẽ thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như, cụ thể là cấp phép hoặc chấp thuận cho một người tham gia vào các hoạt động chuyển tiền, đình chỉ giấy phép, “kiểm tra hàng năm các đơn vị được cấp phép hoặc bất cứ đại diện nào được đơn vị này ủy quyền”⁴, cũng như các hoạt động kiểm tra khác, cụ thể, trong trường hợp có hành vi vi phạm các yêu cầu được áp dụng theo quy định của pháp luật⁵, chấp thuận các thay đổi trong việc kiểm soát tại các thực thể thực hiện chuyển tiền⁶. Thêm vào đó, theo UMSA, cơ quan giám sát có thể ban hành các lệnh “yêu cầu đơn vị được cấp phép hoặc đại diện được ủy quyền ngừng hoặc

¹ Ramasastry, Lưu ý 51

² 12 CFR 5.50

³ UMSA, Lưu ý 65, 102 (22)

⁴ UMSA, Lưu ý 65, 601 (a)

⁵ UMSA, Lưu ý 65, 601 (b)

⁶ UMSA, Lưu ý 65, 604

rút khỏi các vi phạm”⁷ nếu các hành động của họ có thể gây nguy hại hoặc áp đặt các hình phạt dân sự cho việc vi phạm các quy định được áp dụng”.⁸

Do UMSA, để có hiệu lực, phải được thực thi bởi các bang, nên trong mỗi bang thực thi nó, các chức năng của cơ quan giám sát sẽ được thực hiện bởi một đơn vị quản lý có thẩm quyền của bang đó. Ví dụ, tại Texas các chức năng của một “cơ quan giám sát” như vậy thường được giao cho “Ủy ban Ngân hàng của Texas hoặc người được Ủy ban ngân hàng phân công và hành động theo định hướng và thẩm quyền của Ủy ban”⁹. Thêm vào đó, Ủy ban Tài chính được giao quyền lực thông qua các quy tắc cần thiết để thực thi Đạo luật Dịch vụ Tiền tệ Texas và để “duy trì và bảo vệ sự an toàn và lành mạnh của các hoạt động kinh doanh dịch vụ tiền tệ”.

Tại các bang không thực thi UMSA, các đơn vị chuyển tiền được giám sát bởi các cơ quan quản lý có thẩm quyền địa phương phù hợp với luật liên quan của bang. Ví dụ, tại Florida, Quy định về Buôn bán, Thương mại, Đầu tư trao cho Văn phòng quản lý tài chính của Ủy ban dịch vụ tài chính quyền giám sát các hoạt động của các đơn vị chuyển tiền và các hoạt động kinh doanh dịch vụ tiền tệ khác.¹⁰

Hơn nữa, tại cấp liên bang, các hoạt động kinh doanh dịch vụ tiền tệ Mỹ, bao gồm cả người bán và người cung cấp phương tiện truy cập trả trước mà các hoạt động của nó được xem là tương tự với các hoạt động của các đơn vị phát hành tiền điện tử châu Âu, được quản lý và giám sát bởi Mạng lưới thực thi tội phạm tài chính (“FinCEN”)¹¹. Cụ thể, nó thực hiện đăng ký các hoạt động kinh doanh dịch vụ tiền tệ, ngoài trừ các đại lý và các đơn vị bán phương tiện truy cập trả trước,¹² điều này sẽ được thảo luận chi tiết hơn ở mục 2.2.2. dưới đây.

Do vậy, tại Mỹ không có cơ quan đơn nhất nào quản lý và giám sát tập trung và thống nhất tất cả các vấn đề liên quan đến phát hành và lưu hành tiền điện tử (và tương đương tại Mỹ). Các đơn vị phát hành được quản lý và giám sát bởi, và do đó cần phải tương tác với, nhiều cơ quan khác nhau tạo nên toàn bộ hệ thống quản lý và giám sát ở mức độ khá phức tạp.

⁷ UMSA, Lưu ý 65, 803.

⁸ UMSA, Lưu ý 65, 805

⁹ TEX.Money service act, Fin.code, lưu ý 60, 151.002(b) (5).

¹⁰ TEX.Money service act, Fin.code, lưu ý 60, 151.102(a).

¹¹ FLA.STAT.ANN. 560.105(1)(a) (West).

¹² Quản lý tiền ảo, <http://www.dfi.wa.gov/cs/pdf/virtual-currency-regulation.pddf> (last visited 2/4/2014).

2.2.2. Các yêu cầu đăng ký và cấp quyền

Tương tự như các yêu cầu cấp quyền được thiết lập cho các tổ chức tín dụng và tổ chức tiền điện tử tại Liên minh châu Âu, luật bang và liên bang Mỹ đưa ra một số quy trình tương tự để cho phép cơ quan quản lý có thẩm quyền thực hiện kiểm tra ban đầu (tiền kiểm) người có dự định tham gia vào các hoạt động kinh doanh nhất định, chẳng hạn như, kinh doanh chuyển tiền, để quyết định đơn vị đó có thể vận hành hoàn hảo phù hợp với các yêu cầu pháp lý được áp dụng. Nhằm mục đích phân tích các quy trình như vậy tại Mỹ, tôi sẽ tập trung vào các đơn vị phát hành tiền điện tử phi ngân hàng (và các tổ chức tương đương), bắt đầu với các điều khoản liên quan được đặt ra bởi UMSA.

UMSA yêu cầu một người dự định tham gia vào các hoạt động chuyển tiền phải có được giấy phép liên quan. Với mục đích này, ứng viên phải cung cấp cho cơ quan quản lý có thẩm quyền của bang liên quan bộ tài liệu và thông tin, bao gồm dữ liệu về dịch vụ tiền tệ trước đó đã được ứng viên cung cấp, các dịch vụ mà ứng viên này hiện nay dự định cung cấp, thông tin về các bang mà ứng viên có giấy phép chuyển tiền, cũng như thông tin về việc đình chỉ hoặc thu hồi các giấy phép như vậy.¹³ Thêm vào đó, ứng viên phải công bố “danh sách bất kỳ cáo buộc vi phạm nào của ứng viên và bất kỳ tranh chấp lớn nào mà ứng viên liên quan... trước khi nộp đơn”.¹⁴ Cho mục đích này, UMSA định nghĩa “tranh chấp lớn” là “tranh chấp mà...có ảnh hưởng lớn tới tình trạng tài chính của ứng viên hoặc của người được cấp phép và sẽ được yêu cầu công bố trong báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của ứng viên hoặc của người được cấp phép, báo cáo cho các cổ đông hoặc các bản ghi chép tương tự.”¹⁵ Trong trường hợp ứng viên này là một pháp nhân, các dữ liệu được đề cập ở trên về các cáo buộc phạm tội và các tranh tụng lớn phải được cung cấp cho “bất kỳ giám đốc điều hành, quản lý, giám đốc hay người kiểm soát [của nó], ứng viên đã dính líu tới...”¹⁶.

Ngoài ra, cần nhấn mạnh rằng UMSA đòi hỏi ứng viên cung cấp kèm với hồ sơ xin cấp phép, “một trái phiếu đảm bảo, thư tín dụng, hoặc chứng từ bảo đảm tương tự khác được chấp nhận cho [cơ quan quản lý]”¹⁷ với một khối lượng cụ thể hoặc là trả một món tiền nhất định để bảo đảm “cho lợi ích của bất kỳ người nào truy đòi đơn vị cấp phép để đảm bảo việc thực hiện trung thực các nghĩa vụ

¹³ UMSA, Lưu ý 65, 202 (b).

¹⁴ UMSA, Lưu ý 65, 202 (b)

¹⁵ UMSA, Lưu ý 65, 202 (a)

¹⁶ UMSA, Lưu ý 65, 2029 (c)

¹⁷ UMSA, Lưu ý 65, 202 (c)

của đơn vị được cấp phép về việc chuyển tiền.”¹⁸ Các công cụ như vậy sẽ đảm bảo cho các yêu cầu truy đòi đối với đơn vị được cấp phép không dưới 5 năm sau khi đơn vị được cấp phép chấm dứt cung cấp các dịch vụ tại bang liên quan.¹⁹ Tuy nhiên, các kỳ hạn của các công cụ này có thể được thay đổi bởi các cơ quan quản lý.²⁰

Hơn nữa, ngoài việc cấp phép, UMSA đưa ra một quy trình chấp thuận đặc biệt. Trong trường hợp một người đã có giấy phép chuyển tiền ở một bang khác, người đó có thể, tại bang mà người đó hiện tại dự định tham gia vào hoạt động chuyển tiền, đạt được chấp thuận của cơ quan quản lý để thực hiện hoạt động đó thay vì đi qua một quy trình cấp phép khác.²¹ Tuy nhiên, ứng viên có thể chọn cách này chỉ khi các điều kiện nhất định được đáp ứng, cụ thể là, nếu “bang mà người này được cấp phép thực thi UMSA hoặc [cơ quan quản lý có thẩm quyền] quyết định rằng luật chuyển tiền của bang đó giống phần lớn với các luật được áp dụng tại bang này.”²² Nói chung, một quy trình như vậy cho phép một đơn vị chuyển tiền được cấp phép đứng đắn tại một bang thực hiện chuyển tiền ở các bang khác dựa trên cùng một giấy phép và chỉ cần có sự chấp thuận ở các bang đó, do vậy đơn giản hóa việc tiếp cận các khu vực pháp lý khác.²³ Tuy nhiên, có vẻ rằng một số bang thực thi UMSA (như Texas²⁴, Washington²⁵) không chuyển đổi các điều khoản đó vào trong luật của bang, do vậy, không tiên liệu khả năng áp dụng quy trình chấp thuận như vậy.

Theo UMSA, giấy phép sẽ được cấp mới hàng năm, theo đó yêu cầu nộp phí cấp mới và báo cáo cấp mới của đơn vị được cấp phép, bao gồm các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của đơn vị cấp phép và các thông tin khác về hoạt động, đầu tư, các thay đổi so với dữ liệu cung cấp trước, cho cơ quan quản lý có thẩm quyền.²⁶ Tại một số bang, cơ quan quản lý có thể thanh tra hàng năm đơn vị được cấp phép thay vì yêu cầu giao nộp các báo cáo như vậy.²⁷

¹⁸ UMSA, Lưu ý 65, 204 (b)

¹⁹ UMSA, Lưu ý 65, 204 (d)

²⁰ UMSA, Lưu ý 65, 204 (d)

²¹ UMSA, Lưu ý 65, 203 (a)

²² UMSA, Lưu ý 65, 204 (a)(1)

²³ UMSA, Lưu ý 65, bình luận cho Phần 203.

²⁴ Xem TEX. MONEY SERVICE ACT, Fin.code, Lưu ý 60

²⁵ Xem Wash. Rev.Code Ann.19.230.005-19.230.905 (West, 2013).

²⁶ UMSA, Lưu ý 65, 206

²⁷ UMSA, Lưu ý 65, bình luận cho Phần 203

Trong một số trường hợp giấy phép có thể bị thu hồi. Các trường hợp như vậy nói chung do các vi phạm khác nhau mà đơn vị được cấp phép phạm phải, “tham gia vào các hoạt động không an toàn và không lành mạnh,”²⁸ các hành động khác cho thấy người được cấp phép không hoạt động đầy đủ và có thể có ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường và, đặc biệt, là lên khách hàng.²⁹

Các bang đã thực hiện UMSA nói chung có các quy trình tương tự được thiết lập bởi luật của bang.³⁰ Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định họ có thể quy định chi tiết hơn trong việc quản lý các lĩnh vực nhất định của quy trình cấp phép, hoặc loại bỏ một số điều khoản nhất định được đặt ra bởi UMSA (như quy trình chấp thuận nói trên).

Các quy trình cấp phép tương tự có thể được tìm thấy trong khuôn khổ pháp lý bang của các bang khác không thực thi UMSA. Tại Florida, theo Phần 560.204 của Quy định về Buôn bán, Thương mại, Đầu tư, “ngoài trường hợp được miễn trừ, một người không thể tham gia vào... việc bán hoặc phát hành các công cụ thanh toán hoặc vào các hoạt động của một đơn vị chuyển tiền, để đền bù, mà không trước tiên có được giấy phép theo phần này”.

Ngoài ra, các yêu cầu đăng ký bổ sung áp dụng cho các đơn vị kinh doanh dịch vụ tiền tệ tồn tại ở cấp liên bang. Theo 31 CFR Phần 1022.380, “mỗi một đơn vị kinh doanh các dịch vụ tiền tệ (dù được cấp phép là một đơn vị kinh doanh dịch vụ tiền tệ bằng luật của bất kỳ bang nào hay không) phải đăng ký với FINCEN”, ngoại trừ các đơn vị bán các kênh truy cập trả trước và những người tham gia vào hoạt động kinh doanh dịch vụ tiền tệ chỉ với tư cách là một đại lý của các đơn vị kinh doanh dịch vụ tiền tệ khác. Hồ sơ đăng ký như trên phải được gửi trong vòng 180 ngày kể từ ngày “sau ngày đơn vị kinh doanh được thành lập”. Thêm vào đó, việc đăng ký phải được thay mới 2 năm một lần. Trong một số trường hợp các đơn vị kinh doanh dịch vụ tiền tệ phải được tái đăng ký. Do vậy, việc giám sát liên tục được thực hiện đối với các đơn vị kinh doanh dịch vụ tiền tệ tại cấp liên bang.

2.2.3. Kiểm soát đối với việc thay đổi sở hữu của các đơn vị phát hành tiền điện tử

²⁸ UMSA, Lưu ý 65, 801(a) (6)

²⁹ UMSA, Lưu ý 65, 801.

³⁰ Xem Tex. Money services act, Fin.code, lưu ý 60, tiểu chương C, tiểu chương D

Tương tự như phương pháp tiếp cận của Châu Âu, UMSA đưa ra những quy định để kiểm soát đối với những thay đổi về cổ đông và người kiểm soát công ty chuyên tiền được cấp phép. Trước tiên, UMSA đưa ra khái niệm kiểm soát gồm

- (A) Sở hữu hoặc nắm quyền bỏ phiếu, trực tiếp hoặc gián tiếp, tối thiểu 25% nhóm chứng khoán có quyền biểu quyết hoặc nhóm lợi ích có quyền biểu quyết đối với đơn vị người được cấp phép hoặc đơn vị kiểm soát giấy phép;
- (B) Quyền bầu cử đa số ban điều hành, quản lý, giám đốc, ủy viên quản trị hoặc những người đang có quyền quản lý khác của đơn vị được cấp phép hoặc đơn vị kiểm soát giấy phép;
- (C) Quyền đánh giá trực tiếp hoặc gián tiếp tác động kiểm soát đối với việc quản trị hoặc các chính sách của người được cấp phép hoặc người kiểm soát giấy phép.

UMSA yêu cầu đơn vị chuyên tiền được cấp phép thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về những thay đổi dự tính trước trong kiểm soát ngay khi có thông tin và phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Trong trường hợp sau kiểm tra thông tin và các văn bản liên quan đến những thay đổi như vậy, cơ quan có thẩm quyền kết luận rằng những người được đưa vào vị trí kiểm soát có “thẩm quyền, kinh nghiệm, đặc điểm và đáp ứng được việc vận hành giấy phép... một cách hợp pháp và đúng đắn và việc thay đổi này không ảnh hưởng đến lợi ích cộng đồng” thì đề nghị sẽ được chấp thuận.

Nhìn chung, phương pháp tiếp cận của UMSA tương tự như những quy định sẵn có của Liên minh Châu Âu. Tuy nhiên, cũng có những sự khác biệt nhất định. Cụ thể, yêu cầu thông báo và phê duyệt trong trường hợp thay đổi cổ phần nắm giữ tại các đơn vị phát hành tiền điện tử phải thực hiện khi đạt “tối thiểu 10% vốn hoặc quyền biểu quyết”,³¹ trong khi UMSA qui định mức này là 25%. Mặt khác, đối với ngưỡng dưới 10% được thiết lập bởi Liên minh Châu Âu có thể dường như có lợi hơn cho mục tiêu kiểm soát thay đổi trong cổ phần nhưng mặt khác quyết định về mức ngưỡng như vậy nên được thông qua dựa trên quy định sẵn có của từng khu vực pháp lý cụ thể và có xem xét đến quyền lợi và năng lực để tác động đến công ty, các cổ đông có thể nắm giữ mức cổ phần và phiếu bầu ở mức % cụ thể. Ở một số khu vực pháp lý, ngưỡng 25% được coi là mức hợp lý.

³¹ Quy định số 575/2013, trang 36, điều 4(1).

Ngoài ra, quy định của Châu Âu yêu cầu rõ ràng rằng phải có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp mua lại một mức nắm giữ cổ phần đủ điều kiện (ví dụ, từ 10% trở lên như đã đề cập ở trên) và các mức gia tăng của nó khi đạt hoặc vượt quá mức 20%, 30% và 50%. UMSA tỏ ra không quy định rõ ràng về vấn đề tăng kiểm soát. Các điều khoản của UMSA có thể được hiểu là đối với bất kỳ thay đổi kiểm soát nào vượt qua ngưỡng 25% phải được xin phép thông qua, thậm chí nếu sự thay đổi thực tế không đáng kể (như +/- 1%). Việc sử dụng từ ngữ của UMSA tạo ra sự không chắc chắn trong vấn đề này.

Thêm vào đó, liên quan đến quy định liên bang về các đơn vị kinh doanh các dịch vụ tiền được đăng ký với FinCEN, cần phải chú ý rằng trong trường hợp “đơn vị kinh doanh các dịch vụ tiền được đăng ký theo luật của từng bang thì khi thay đổi sở hữu hoặc quyền kiểm soát thì phải đăng ký kinh doanh lại theo luật bang đó” và “nếu có sự chuyển đổi trên 10% giá trị quyền bầu cử hoặc lợi tức cổ phiếu của đơn vị kinh doanh các dịch vụ tiền (chứ không phải là đơn vị kinh doanh dịch vụ tiền phải báo cáo việc chuyển đổi như vậy lên Ủy ban Chứng khoán và sàn giao dịch), thì dịch vụ kinh doanh tiền như vậy phải đăng ký lại với FinCEN. Do đó, FinCEN sẽ giữ thông tin của người sở hữu và người kiểm soát của các đơn vị kinh doanh dịch vụ tiền.

2.2.4. Các yêu cầu về phòng chống rửa tiền

Ở Hoa Kỳ những quy tắc nhằm phòng tránh rửa tiền đối với việc kinh doanh dịch vụ tiền, bao gồm bên bán và bên cung cấp các phương tiện truy cập trả trước được ban hành bởi Quy tắc liên bang (Code of Federal Regulation - CFR). Những quy định như vậy có thể được chia thành các phần khác nhau.

Phần thứ nhất yêu cầu các đơn vị kinh doanh dịch vụ tiền phải duy trì các báo cáo phòng chống rửa tiền nội bộ nhất định. Các đơn vị này được yêu cầu “thực thi và duy trì chương trình phòng chống rửa tiền hiệu quả”, đặc biệt với các chính sách và thủ tục khác nhau liên quan đến xác minh khách hàng, lưu trữ thông tin và báo cáo.

Phần thứ hai bao gồm các yêu cầu báo cáo khác nhau. Cụ thể, kinh doanh dịch vụ tiền (ngoại trừ dịch vụ tiền mặt “check casher”³²) phải cung cấp cho cơ quan

³² Ghi chú của người dịch: Check casher là một dịch vụ kinh doanh tiền mà có giá trị giao dịch từ 1000 đô la Mỹ trở lên đối với 1 cá nhân trong 1 ngày không phân biệt là một hay nhiều giao dịch. Và phải tuân thủ theo quy định của Luật Bảo mật ngân hàng (Bank Secrecy Act). Chi tiết tại <https://www.fincen.gov/resources/statutes-regulations/guidance/guidance-definition-check-casher-and-bsa-requirements>

có thẩm quyền “báo cáo về các giao dịch đáng ngờ liên quan đến vi phạm pháp luật có thể xảy ra”. Các yêu cầu báo cáo như vậy áp dụng cho trường hợp giao dịch “liên quan hoặc số tiền hoặc các tài sản khác gộp lại có giá trị tối thiểu 2000 đô la... {ngoại trừ trường hợp cụ thể theo CFR}, và các dịch vụ kinh doanh tiền có các giao dịch bị nghi ngờ hoặc đáng nghi” liên quan đến tiền từ khủng bố hoặc các hoạt động phi pháp khác.

Danh mục quy định khác liên quan đến nghĩa vụ của đơn vị kinh doanh dịch vụ tiền phải định danh khách hàng và ghi nhận các dữ liệu cụ thể về khách hàng của họ.

Hơn nữa, CFR buộc đơn vị kinh doanh dịch vụ tiền phải duy trì các ghi chép giao dịch khác nhau. Ví dụ, đơn vị bán và nhà cung cấp phương tiện truy cập trả trước được yêu cầu phải “duy trì kết nối vào các ghi chép giao dịch trong vòng 5 năm” để có thể kiểm tra, giám sát các giao dịch trước đây của mình.

2.3. Ukraine

2.3.1. Đơn vị kiểm soát và giám sát

Như đã thảo luận ở phần 1.3.2, ở Ukraine tiền điện tử chỉ được phát hành bởi các ngân hàng.³³ Cơ quan quản lý chính giám sát hoạt động ngân hàng và kiểm tra việc tuân thủ các quy định có hiệu lực ở Ukraine là NBU. Chức năng của đơn vị này nhìn chung bao gồm “cấp phép các hoạt động ngân hàng”, “thông qua các điều lệ và sửa đổi qui định của các ngân hàng”, thông qua việc mua lại hoặc tặng tỷ lệ nắm giữ trong ngân hàng,³⁴ “quản lý hoạt động của các hệ thống thanh toán và các hệ thống quyết toán ở Ukraine”, giám sát đơn lẻ và hợp nhất các ngân hàng...³⁵

Do NBU giữ vai trò là đơn vị quản lý tiền điện tử của Ukraine nên cần phải lưu ý rằng Quy định tiền điện tử của Ukraine được thông qua bởi Ban điều hành NBU bao gồm các yêu cầu tuân thủ của NBU đối với những người liên quan đến việc phát hành và lưu thông tiền điện tử ở Ukraine.³⁶

2.3.2. Các yêu cầu về đăng ký và cấp quyền

Việc bắt đầu hoạt động kinh doanh ngân hàng ở Ukraine được qui định khắt khe theo luật. Các cá nhân khi muốn thành lập ngân hàng ở Ukraine phải đáp ứng một

³³ Quy định tiền điện tử, phần 1.4. Chương 1.

³⁴ Luật Ngân hàng và các hoạt động ngân hàng Ukraine.

³⁵ Luật Ngân hàng trung ương Ukraine, phần 6, điều 7.

³⁶ Quy định tiền điện tử, phần 1.2 Chương 1.

loạt yêu cầu. Trước tiên, ngân hàng phải được đăng ký với cơ quan đăng ký nhà nước với tư cách là một pháp nhân và phải được đưa vào trong danh sách pháp nhân và doanh nghiệp tư nhân của cơ quan đăng ký nhà nước (Uniform State Register of Legal Entities and Individual Entrepreneurs). Tuy nhiên, việc đăng ký này phải được NBU chấp thuận trước theo như quy định về định chế có dự định tham gia hoạt động ngân hàng.³⁷ Để đạt được chấp thuận này, đại diện sáng lập của ngân hàng phải nộp cho NBU một loạt các tài liệu và thông tin liên quan đến ngân hàng, thông tin nhân thân của người sáng lập, những người sẽ gián tiếp (thông qua người khác) giữ các cổ phần đủ điều kiện trong ngân hàng và danh tiếng của họ, các thành viên trong bộ phận quản lý và ban giám sát của các thành viên sáng lập ngân hàng là những pháp nhân, điều kiện tài chính của những người sáng lập ngân hàng, các văn bản xác nhận rằng vốn ban đầu của ngân hàng được chi trả đầy đủ, và nhiều tài liệu và dữ liệu khác được cung cấp theo luật Ukraina. NBU kiểm tra các văn bản này và quyết định có chấp thuận về điều lệ của ngân hàng tương lai không.

Theo luật Ukraina, NBU có thể từ chối chấp thuận điều lệ của ngân hàng, cụ thể, nếu “danh tiếng kinh doanh của người sáng lập và cho một người sáng lập – cá nhân hợp pháp trong thành viên ban quản lý và/hoặc ban giám sát... không tương xứng với yêu cầu do NHTW Ukraine lập ra”, “nếu điều kiện tài chính của những người sáng lập ngân hàng tương lai không đáp ứng yêu cầu của NBU, “nếu người sáng lập không có nguồn tiền riêng để đóng góp công khai cho vốn điều lệ của ngân hàng, và, ví dụ, nếu cơ cấu sở hữu của ngân hàng tương lai và/hoặc những người sáng lập của nó mà có cổ phần đủ điều kiện không đáp ứng yêu cầu về tính minh bạch của NBU.

Do đó, cuộc kiểm tra đầu tiên về tính tuân thủ của các ngân hàng tương lai (và là những đơn vị phát hành tiền điện tử tương lai) đối với luật Ukraina được thực hiện bởi NBU trước thời điểm nó được công nhận là một pháp nhân.

Hơn nữa, ngay sau khi được công nhận pháp nhân thì sẽ có một cuộc kiểm tra thực tế về ngân hàng. Trong giai đoạn 12 tháng sau khi công nhận pháp nhân thì ngân hàng vừa mới đăng ký phải nộp hồ sơ xin cấp phép kinh doanh ngân hàng với NBU theo một bộ các văn bản yêu cầu của NBU. Lần này ngân hàng phải cung cấp cho NBU kế hoạch kinh doanh trong vòng 3 năm tới, các văn bản bổ nhiệm và danh tiếng kinh doanh của những quản lý cấp cao nhất của ngân hàng, sự sẵn có của cơ cấu tổ chức, tài sản kể trên, thiết bị, phần mềm và chuyên gia và

³⁷ Luật Ngân hàng và các hoạt động ngân hàng Ukraine.

việc tuân thủ các quy định của luật Ukraina... Trong trường hợp NBU kết luận rằng tài sản trên, thiết bị... của ngân hàng không đáp ứng các yêu cầu đặt ra hoặc chất lượng và danh tiếng kinh doanh của các quản lý cấp cao không phù hợp với các tiêu chuẩn do NBU đặt ra, giấy phép ngân hàng sẽ không được chấp thuận.

Do vậy, việc chấp thuận các điều lệ và quá trình cấp phép theo luật Ukraina sẽ làm tất cả các ngân hàng tương lai và mới thành lập phải chịu sự kiểm tra kỹ lưỡng của NBU. Mặt khác, một số các yêu cầu liên quan theo luật Ukraina có thể khá phức tạp và gây khó chịu, nhưng, ngược lại, mục tiêu chính của nó để đảm bảo khả năng tồn tại của ngân hàng, quản lý và hoạt động phù hợp, do đó giảm thiểu rủi ro cho các đối tác và khách hàng tương lai của ngân hàng.

2.3.3. Kiểm soát những thay đổi trong quyền sở hữu các đơn vị phát hành tiền điện tử

Tương tự như Liên minh Châu Âu và Mỹ, Ukraina đã đưa ra một cơ chế đặc thù để kiểm soát những thay đổi trong việc nắm giữ và kiểm soát các ngân hàng tại Ukraina. Đầu tiên, Luật của Ukraina “Về Ngân hàng và hoạt động ngân hàng” đã xác định khái niệm của việc “nắm giữ đủ điều kiện” là:

Sở hữu trực tiếp và/hoặc gián tiếp bởi một cá nhân độc lập hoặc cùng với các cá nhân khác đối với một tỷ lệ phần trăm là 10% hoặc nhiều hơn trên vốn điều lệ và/hoặc cổ phiếu có quyền biểu quyết, các lợi ích thành viên trong pháp nhân hoặc độc lập trong quyền sở hữu chính thức, có thể có ảnh hưởng lớn đến việc quản lý hoặc vận hành của pháp nhân.

Khái niệm này rất giống với khái niệm của “nắm giữ đủ điều kiện” được nhắc đến trong Quy định số 575/2013. Ngoài ra, Ukraina yêu cầu bên mua lại quyền nắm giữ đủ điều kiện phải thông báo cho NBU trước khi mua lại, trong trường hợp mà chạm tới hoặc vượt quá một số giới hạn do luật Ukraina đặt ra:

[a] Một cá nhân hoặc một pháp nhân dự định mua lại quyền nắm giữ đủ điều kiện trong một ngân hàng hoặc tăng mức nắm giữ này theo đó sẽ trực tiếp và/hoặc gián tiếp, một cách riêng biệt hoặc cùng với những người khác sở hữu 10%, 25%, 50% và 75% hoặc nhiều hơn 75% tổng số vốn điều lệ của ngân hàng hoặc cổ phiếu có quyền biểu quyết (có nhận lãi suất) trong vốn điều lệ của ngân hàng và/hoặc độc lập với quyền sở hữu chính thức, phải thông báo ý định này... cho Ngân hàng Quốc gia của Ukraina 3 tháng trước khi mua lại quyền nắm giữ đủ điều kiện hoặc gia tăng mức nắm giữ này.

Ngoài thông báo này, bên mua lại tương lai của quyền nắm giữ đủ điều kiện phải cung cấp cho NBU một bộ tài liệu mở rộng cần thiết cho việc xác định bên mua lại (tài liệu xác nhận việc đăng ký của pháp nhân, điều lệ/điều khoản của pháp nhân – bên mua lại ...), đánh giá tình hình tài chính (đối với các pháp nhân – báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo từ các nhà kiểm toán khẳng định tình hình tài chính của pháp nhân và nguồn vốn sẵn có đủ để sáp nhập hoặc tăng lượng cổ phiếu nắm giữ đủ điều kiện, nguồn vốn này được tính toán đặc biệt theo các công thức do NBU thiết lập) và danh tiếng kinh doanh (các bảng câu hỏi mà bên mua lại, các thành viên của cơ quan quản lý và ban giám sát, các cá nhân nắm giữ cổ phiếu đủ điều kiện đã hoàn thành; các giấy chứng nhận của các ngân hàng về tình hình hoàn trả các khoản nợ, chứng nhận về việc đóng thuế đầy đủ từ các cơ quan thuế...)

NBU có thể từ chối việc chấp nhận thông qua nếu danh tiếng của bên mua lại (đối với các pháp nhân, của các thành viên trong ban quản trị và ban giám sát) và tình hình tài chính của người này không tuân thủ các yêu cầu do NBU đặt ra, hoặc trong trường hợp “việc mua lại hoặc gia tăng... của cổ phiếu nắm giữ đủ điều kiện sẽ tạo ra mối đe dọa đến các khoản lãi suất của người gửi tiền và các bên cho vay khác của ngân hàng...”

Trong trường hợp cổ phiếu nắm giữ đủ điều kiện được mua lại hoặc gia tăng mà không nhận được sự chấp nhận của NBU, cơ quan này có thể cấm bên mua lại sử dụng quyền bỏ phiếu đính kèm các cổ phiếu bị mua lại của ngân hàng trong khoảng thời gian đến khi sự vi phạm được sửa đổi và phạt tiền bên mua lại “lên tới 10% lợi tức mua lại (gia tăng)”.

Do đó, hướng tiếp cận của các nhà làm luật của Ukraina trong việc quản lý và kiểm soát những thay đổi trong những thay đổi trong việc nắm giữ cổ phiếu của các ngân hàng Ukraina rất tương tự với cách mà những thay đổi trong các phân đoạn khác nhau của nhà phát hành tiền điện tử được Liên Minh Châu Âu kiểm soát và dưới luật UMSA của Mỹ. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, những yêu cầu của Ukraina về việc cung cấp cho NBU một số tài liệu đặc biệt liên quan đến bên mua lại cổ phiếu nắm giữ đủ điều kiện tại một ngân hàng dường như khó khăn hơn nhiều so với những yêu cầu do Mỹ và Liên minh Châu Âu áp dụng.

2.3.4. Các yêu cầu về phòng chống rửa tiền

Quy định về tiền điện tử quản lý việc phát hành và lưu thông tiền điện tử tại Ukraina không thiết lập các quy tắc chống rửa tiền. Tuy nhiên, các ngân hàng, là các nhà phát hành tiền điện tử duy nhất tại Ukraina, được coi là “đối tượng của

quản lý tài chính cơ bản” và phải tuân thủ một số lượng lớn các yêu cầu và nghĩa vụ về phòng chống rửa tiền theo luật ngân hàng và luật phòng chống rửa tiền của Ukraina. Những yêu cầu và nghĩa vụ mà các ngân hàng phải tuân thủ được chia thành 7 nhóm:

- Các yêu cầu phát triển và duy trì các chính sách và quy định quản lý tài chính nội bộ phù hợp;
- Các yêu cầu về chỉ định một người chịu trách nhiệm cho hiệu quả của các biện pháp quản lý tài chính. Người này phải được NBU thông qua;
- Các yêu cầu về xác định khách hàng và đối tác. Cụ thể, các ngân hàng có nghĩa vụ phải xác định khách hàng đã thực hiện giao dịch với khối lượng 150.000 UAH (xấp xỉ 10.000 EUR) trở lên, hoặc các giao dịch có số tiền tương đương dưới dạng các đồng tiền ngoại tệ mà không mở tài khoản tại ngân hàng;
- Các yêu cầu về việc quản lý một số dạng giao dịch (ví dụ như các giao dịch tài chính có số lượng 150.000 UAH (tương đương 10.000 EUR) hoặc hơn, hoặc các giao dịch với số tiền tương đương tính theo đồng ngoại tệ, nếu giao dịch này liên quan tới việc chuyển giao các quỹ từ/đến các tài khoản vô danh, bán và mua séc hoặc các công cụ thanh toán tương tự...) và nghi ngờ các giao dịch này thuộc các trường hợp mà luật có quy định;
- Các yêu cầu về công bố và thông báo thông tin. Các ngân hàng được yêu cầu thông báo cho các nhà quản lý có liên quan về các giao dịch đáng ngờ có thể có liên quan đến rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố;
- Các quy định về lưu trữ hồ sơ tài liệu. Các ngân hàng có nghĩa vụ lưu trữ tất cả các tài liệu liên quan đến các giao dịch tài chính đang chịu sự giám sát tài chính, trong suốt khoảng thời gian không ngắn hơn 5 năm sau khi giao dịch được thực hiện.

Ngoài ra, luật Ukraina cấm các ngân hàng ‘mở và duy trì các tài khoản vô danh’.

Do đó, các quy định về phòng chống rửa tiền của Ukraina xét theo nhiều khía cạnh tương tự như các quy định của Liên minh Châu Âu và Mỹ.

2.4. Kết luận

Phân tích về việc kiểm soát và giám sát các tổ chức tiền điện tử, cũng như các yêu cầu về phòng chống rửa tiền mà các tổ chức này phải tuân thủ, tại Liên minh Châu Âu, Mỹ và Ukraina đã cho thấy có sự tương đồng trong hướng tiếp cận của các khu vực này. Mỗi quốc gia đều yêu cầu một số dạng cấp phép nhất định trước

khi bắt đầu phát hành tiền điện tử, điều này rất cần thiết để giúp xác định và kiểm tra triển vọng tương lai của nhà phát hành tiền điện tử. Tương tự, mỗi nước đều đưa ra một số quy trình để kiểm soát những thay đổi trong các cổ đông của tổ chức phát hành tiền điện tử, điều rất cần thiết để đảm bảo rằng những thay đổi này sẽ không ảnh hưởng tiêu cực tới các tổ chức này và các khách hàng của tổ chức phát hành tiền điện tử. Tuy nhiên, tại Mỹ, những quy trình như vậy được thiết lập bởi 31 CFR 1022.380 có vẻ như ở mặt nào đó nhẹ nhàng hơn so với các quy trình của UMSA hoặc của Liên minh Châu Âu hay Ukraina. Trong trường hợp này, hướng tiếp cận của Liên minh Châu Âu và Ukraina dự tính việc kiểm tra phức tạp đối với tổ chức phát hành tiền điện tử có triển vọng hoặc các cổ đông có triển vọng của tổ chức này nhận được nhiều lợi ích hơn cho mục đích đảm bảo an toàn của thị trường nói chung. Đồng thời, các yêu cầu về việc kiểm tra này được thiết lập trong luật của Ukraina trong một số trường hợp quá cần thiết. Tuy nhiên, nếu các nhà làm luật của Ukraina giải quyết để cho phép các cá nhân khác, ngoại trừ các ngân hàng, phát hành tiền điện tử, các yêu cầu về cấp phép và kiểm tra các cổ đông có triển vọng nên được áp dụng cả cho các cá nhân này, mặc dù là ở mức độ nhẹ hơn một chút.

Đối với các quy định hướng đến việc phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, các quy định này tương đồng ở khu vực Liên minh Châu Âu, Mỹ và Ukraina, có nghĩa là hướng tiếp cận đối với các vấn đề này ở các khu vực trên là giống nhau.

3. Quy định về các giao dịch bằng tiền điện tử

Để đánh giá toàn bộ khung khổ pháp lý quản lý hoạt động lưu thông của tiền điện tử tại Liên minh Châu Âu, Mỹ và Ukraina, điều cần thiết là thảo luận về các quy định quản lý các giao dịch sử dụng tiền điện tử, mặc dù trong một số trường hợp những quy định này là khá ít ỏi so với quy định chung đối với các nhà phát hành tiền điện tử và các yêu cầu mà các nhà phát hành phải tuân thủ. Chương này sẽ tập trung vào các quy tắc chung áp dụng đối với các giao dịch tiền điện tử tại các khu vực trên. Ngoài ra, chương này cũng mô tả riêng quy định về các giao dịch thu hồi lại tiền điện tử của nhà phát hành. Các giao dịch thu hồi này có thể chỉ được xem là một trong những loại giao dịch quan trọng nhất của các giao dịch tiền điện tử do nó cho phép người sử dụng từ bỏ tiền điện tử mà mình nắm giữ để đổi lấy tiền và chấm dứt sự hợp tác của mình đối với nhà phát hành.

3.1. Liên minh Châu Âu

3.1.1. Các quy tắc chung về giao dịch bằng tiền điện tử

Chỉ thị Tiền điện tử không đưa ra một quy định chi tiết về các giao dịch sử dụng tiền điện tử, mà chỉ đưa ra các quy tắc chung cho các hoạt động này. Ví dụ, từ Chỉ thị Tiền điện tử chúng ta có thể kết luận rằng các nhà phát hành tiền điện tử phải có hợp đồng với bên nắm giữ tiền điện tử, hợp đồng này phải có một số thông tin bắt buộc như là các điều khoản về việc tái mua tiền điện tử và các khoản phí kết nối.

Ngoài ra, Chỉ thị Tiền điện tử thiết lập một số quy tắc nhất định về hoạt động của các tổ chức tiền điện tử. Ví dụ, “các tổ chức tiền điện tử sẽ không phát hành tiền điện tử thông qua các đại lý”. Đồng thời, họ có thể “phân phối và mua lại tiền điện tử thông qua các pháp nhân dưới danh nghĩa của họ”. Để các pháp nhân này tham gia vào việc phân phối tiền điện tử trong các Bang thành viên, họ phải tuân thủ một số yêu cầu mang tính quy trình được quy định trong Chỉ thị Các dịch vụ Thanh toán. Cụ thể, trước khi đại lý của tổ chức tiền điện tử bắt đầu phân phối tiền điện tử trong một Bang Thành viên khác, các nhà quản lý của tổ chức tiền điện tử tại Bang Thành viên trụ sở cùng với các nhà quản lý tại Bang Thành viên nơi mà diễn ra việc phân phối tiền điện tử sẽ hợp tác để kiểm tra đại lý này của tổ chức tiền điện tử tại Bang Thành viên khác và xác thực sự tuân thủ của đại lý này đối với các yêu cầu đã được thiết lập. Nhìn chung, những quy trình như vậy được thiết kế để đảm bảo sự tuân thủ của đại lý với các quy định và các yêu cầu đang được áp dụng từ đó đảm bảo chức năng an toàn và hiệu quả của thị trường.

Ngoài ra, các quy định cụ thể khác về các giao dịch tiền điện tử có thể được tìm thấy trong Chỉ thị Các dịch vụ Thanh toán. Cụ thể, Chỉ thị thiết lập các quy tắc về thông tin ban đầu yêu cầu công bố một số thông tin cho người sử dụng trước khi họ bước vào một hợp đồng ràng buộc hoặc bị ràng buộc bởi một đề nghị. Trong trường hợp một hợp đồng khung, những thông tin như vậy phải bao gồm các dữ liệu về nhà cung cấp dịch vụ thanh toán, các khoản phí dịch vụ thanh toán, các khoản phí phụ thu, phương thức liên lạc, điều khoản, việc sửa đổi và chấm dứt hợp đồng...

Chỉ thị Các dịch vụ Thanh toán cũng thiết lập các quy tắc về việc giới thiệu các sửa đổi trong hợp đồng và việc chấm dứt hợp đồng, việc thực hiện giao dịch thanh toán. Tuy nhiên, trong việc thiết lập các quy tắc này cũng có sự phân biệt các giao dịch giá trị thấp và các giao dịch sử dụng tiền điện tử với số lượng nhỏ, nói cách khác là “các công cụ thanh toán mà, theo hợp đồng khung, chỉ liên quan đến các giao dịch thanh toán riêng biệt và không vượt quá 30 EUR hoặc các giao dịch mà có chi tiêu giới hạn trong 150 EUR hay lưu trữ giá trị không vượt quá 150

EUR tại mọi thời điểm. Đối với những giao dịch này, nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ thanh toán nhẹ hơn trong các giao dịch khác.

[Trở lại đầu trang](#)

ĐỀ TÀI KHOA HỌC THÁNG 5 – 2019**1. Dự án: Nghiên cứu triển khai phương thức thanh toán BPO tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**

Chủ nhiệm: ThS. Đào Minh Tuấn - Phó Tổng giám đốc, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Mã số: DANH.003/17

Thời gian nghiệm thu: 04/5/2019

Kết quả nghiệm thu: Khá

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Cơ sở lý luận về phương thức thanh toán BPO.
- Kinh nghiệm thiết lập và triển khai phương thức thanh toán BPO tại một số ngân hàng trên thế giới; Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Những thuận lợi, khó khăn khi áp dụng BPO tại các NHTM VN.
- Giải pháp thiết lập và triển khai BPO tại các NHTM Việt Nam giai đoạn 2020-2025.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu hệ thống hóa về phương thức thanh toán dựa trên nền tảng dữ liệu điện tử - BPO, điều kiện triển khai áp dụng, kinh nghiệm quốc tế và bài học cho VN, từ đó đề xuất giải pháp liên quan đến việc triển khai phương thức thanh toán BPO tại các NHTM Việt Nam, Dự án DANH.003/17 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 nghiên cứu cơ sở lý luận về phương thức thanh toán BPO, bao gồm các vấn đề tổng quan về BOP, so sánh phương thức thanh toán BOP với các phương thức thanh toán truyền thống hiện đang được áp dụng, các yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng khi thiết lập và sử dụng BOP và quy trình xử lý giao dịch BOP. Theo nhóm nghiên cứu, BOP cho phép rút ngắn thời gian xử lý giao dịch nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn và tạo cơ hội cho các doanh nghiệp XNK tiếp cận các khoản tài trợ thương mại từ các ngân hàng tham gia giao dịch.

Chương 2 nghiên cứu kinh nghiệm thiết lập và triển khai phương thức thanh toán BPO tại một số ngân hàng tiêu biểu trên thế giới như Standard Charter Bank, Bank of Tokyo Mitsubishi, Unicredit Bank. Qua đó, nhóm nghiên cứu rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về các nội dung: (i) Lập kế hoạch và thực hiện dự án; (ii) Phát triển sản phẩm; (iii) Xây dựng quy trình nghiệp vụ. Nhóm nghiên cứu cũng đưa ra đề xuất về mô hình BOP áp dụng cho các NHTM Việt Nam.

Chương 3 nghiên cứu về Giải pháp thiết lập và triển khai BPO tại các NHTM Việt Nam giai đoạn 2020-2025. Tại đây, nhóm nghiên cứu tập trung phân tích những thuận lợi, khó khăn khi áp dụng BPO tại các NHTM Việt Nam, đưa ra nhận định về điều kiện triển khai BPO tại Việt Nam, đề xuất lộ trình triển khai BOP. Nhóm nghiên cứu đồng thời cũng phân tích về các rủi ro có thể gặp phải khi triển khai BPO tại Việt Nam và các biện pháp phòng ngừa, đưa ra đề xuất đối với NHNN, các NHTM và các đơn vị tổ chức về các nội dung công tác cần giải quyết để triển khai phương thức thanh toán BOP.

2. Đề tài: Nghiên cứu triển khai Big Data cho hoạt động Quản trị quan hệ khách hàng tại các Ngân hàng Thương mại Việt Nam

Chủ nhiệm: Nghiên cứu triển khai Big Data cho hoạt động Quản trị quan hệ khách hàng tại các Ngân hàng Thương mại Việt Nam

Mã số: ĐTNH.025/17

Thời gian nghiệm thu: 17/4/2019

Kết quả nghiệm thu: Giỏi

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Tổng quan về Big Data và hoạt động Quản trị quan hệ khách hàng;
- Đánh giá mức độ trưởng thành Bigdata và thực trạng hoạt động Quản trị quan hệ khách hàng tại các NHTM Việt Nam.
- Ứng dụng dữ liệu lớn nâng cao hoạt động quản trị quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management-CRM) tại các NHTM Việt Nam.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu nghiên cứu về các khía cạnh lý thuyết công nghệ và ứng dụng Big Data để đề xuất các chính sách, quy định, hướng dẫn cần thiết cho việc triển khai các dự án Big Data cho hoạt động Quản trị quan hệ khách hàng tại các NHTM, Đề tài ĐTNH.025/17 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 phân tích các vấn đề tổng quan về Big Data và hoạt động Quản trị quan hệ khách hàng (CRM); phân tích một số giải pháp CRM phổ biến trên thế giới và ở Việt Nam; phân tích các quy định liên quan đến việc thu thập, lưu trữ và phân tích thông tin trong hoạt động ngân hàng. Chương 1 cũng nghiên cứu kinh nghiệm triển khai thành công Big Data cho hoạt động Quản trị quan hệ khách hàng tại 04 NHTM trên thế giới làm cơ sở cho các đề xuất cho Việt Nam.

Chương 2 nghiên cứu mức độ trưởng thành Bigdata tại các NHTM Việt Nam thông qua điều tra và phân tích định lượng; nhận định về thực trạng triển khai, ứng dụng Big Data tại các NHTM Việt Nam; đánh giá thực trạng hoạt động quản trị quan hệ khách hàng tại các NHTM Việt Nam. Qua đó, nhóm nghiên cứu đưa ra nhận định về một số bài toán cần giải quyết để có thể ứng dụng Big Data cho hoạt động Quản trị quan hệ khách hàng tại các NHTM, gồm: (i) Cần có một kiến trúc tổng thể cho việc ứng dụng Big Data cho hoạt động Quản trị quan hệ khách hàng, (ii) Cần có các phương pháp, kỹ thuật cụ thể cho các hoạt động; (iii) Cần có một khung pháp lý đầy đủ cho việc sở hữu, sử dụng các nguồn dữ liệu ngoài ngân hàng.

Chương 3 của đề tài nghiên cứu về cách tiếp cận cho việc sử dụng Big Data cho quản trị quan hệ khách hàng, gồm các vấn đề như vai trò của kiến trúc tổng thể giải pháp, các mô hình thu thập và tổ chức dữ liệu, mô hình kiến trúc tổng thể giải pháp ứng dụng Big Data cho quản trị quan hệ khách hàng. Nhóm nghiên cứu cũng đưa ra một số kiến nghị với Chính phủ, NHNN và các NHTM nhằm tạo điều kiện để triển khai việc sử dụng Big Data cho quản trị quan hệ khách hàng tại các NHTM.

3. Đề tài: Thực thi pháp luật về quản trị công ty đối với các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam

Chủ nhiệm: TS. Bùi Hữu Toàn

Mã số: ĐTNH.007/17

Thời gian nghiệm thu: 26/4/2019

Kết quả nghiệm thu: Giỏi

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Những vấn đề lý luận cơ bản về thực thi pháp luật quản trị công ty của ngân hàng thương mại cổ phần.
- Thực tiễn thực thi pháp luật quản trị công ty đối với các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam.
- Xây dựng khuôn khổ pháp luật quản trị công ty đối với ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam
- Định hướng và giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu hệ thống hóa, làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn về thực tiễn quản trị công ty (QTCT) đối với các NHTMCP Việt Nam, nhận diện những khó khăn, hạn chế, qua đó đề xuất các giải pháp khắc phục, phân định trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý nhằm tăng cường khả năng thực thi pháp luật QTCT, đề tài ĐTNH.007/17 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về thực thi pháp luật QTCT của NHTMCP, bao gồm: bản chất pháp lý; tổng quan về QTCT và QTCT của NHTMCP; một số vấn đề lý luận và các yếu tố ảnh hưởng đến QTCT của NHTMCP.

Chương 2 nghiên cứu thực tiễn thực thi pháp luật QTCT đối với các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam, gồm: thực trạng quy định pháp luật, thực trạng thực thi và những vấn đề đặt ra từ thực tiễn thực thi pháp luật về QTCT đối với ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam. Nghiên cứu tại chương 2 cho thấy một số vấn đề như: Còn thiếu vắng những quy định riêng điều chỉnh vấn đề QTCT trong NHTMCP; Vai trò của thành viên HĐQT độc lập chưa được phát huy như kỳ vọng khi xây dựng nội dung này nhằm bảo đảm sự độc lập, khách quan trong hoạt động quản trị NHTMCP; Các thiết chế thực thi pháp luật quản trị NHTMCP chưa đủ mạnh và hiệu quả; Chưa thiết lập được chuẩn mực đạo đức quản trị ngân hàng thương mại; Các thiết chế giám sát, thanh tra chưa thực sự phát huy hiệu quả trong việc phát hiện, phòng ngừa các vi phạm pháp luật do người quản lý, điều hành NHTMCP thực hiện.

Chương 3 của đề tài phân tích sự cần thiết phải xây dựng khuôn khổ pháp luật QTCT đối với NHTMCP ở Việt Nam, phân tích quan điểm và phương hướng xây dựng khuôn khổ pháp luật QTCT đối với các NHTMCP Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp góp phần xây dựng, hoàn thiện pháp luật QTCT đối với NHTMCP Việt Nam và nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật QTCT đối với các NHTMCP sau giai đoạn cơ cấu lại./.

HỘI THẢO KHOA HỌC THÁNG 5 - 2019

1. Thúc đẩy tài chính toàn diện và phát triển thanh toán điện tử trong xu thế phát triển của nền kinh tế không dùng tiền mặt

Thời gian tổ chức: 30/05/2019

Đơn vị thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG)

Nội dung hội thảo:

Ngày 30/5/2019 tại Hà Nội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG) đã phối hợp tổ chức Hội thảo - Triển lãm Banking Vietnam năm 2019 với chủ đề “Tài chính toàn diện trong xu thế phát triển của nền kinh tế không dùng tiền mặt”.

Tham dự Banking Việt Nam 2019 có sự tham dự của đại diện lãnh đạo Ban Kinh tế Trung ương, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia; đại diện lãnh đạo NHNN và một số Bộ, Ngành (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông,...); đại diện các Viện, Nhà trường, Trung tâm nghiên cứu, các Tổ chức tín dụng và một số tổ chức Quốc tế tại Việt Nam (World Bank, IMF, ADB,...); các Vụ, Cục thuộc NHNN; các nhà khoa học, chuyên gia trong ngành Ngân hàng; các tổ chức, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan.

Phát biểu khai mạc Banking Vietnam 2019, ông Nguyễn Kim Anh - Phó Thống đốc NHNN cho biết, Banking Vietnam là sự kiện công nghệ ngân hàng do NHNN và Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG) phối hợp tổ chức nhằm triển lãm, giới thiệu những thành tựu mới về công nghệ hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tạo ra các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng mới. Đồng thời, Banking Vietnam cũng là nơi diễn ra các phiên hội thảo để các lãnh đạo ngân hàng, chuyên gia tài chính - ngân hàng, chuyên gia công nghệ trao đổi về các giải pháp, chiến lược phát triển dịch vụ ngân hàng trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ về công nghệ thông tin và truyền thông.

Hiện nay, Việt Nam đang nỗ lực xây dựng và hướng tới thực thi chiến lược Quốc gia về tài chính toàn diện. Trong Nghị quyết về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 (Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 1/1/2019) đã đề cập tới việc xây dựng “Chiến lược tài chính toàn diện Quốc gia” là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ giao NHNN chủ trì thực hiện trong năm 2019. Tài chính toàn diện không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với phát triển kinh tế xã hội mà còn là tiền đề quan trọng cho tăng trưởng bền vững quốc gia.

Để thực hiện “Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia”, bên cạnh nhiều trụ cột khác, thanh toán điện tử sẽ là một trong những trụ cột quan trọng đóng góp vào triển khai thành công Chiến lược. Hiện tại, Việt Nam đang tập trung để thực hiện trụ cột Thanh toán điện tử và đã đạt được một số kết quả nổi bật.

Phó Thống đốc nhấn mạnh, thúc đẩy tài chính toàn diện và phát triển thanh toán

điện tử trong giai đoạn tới cần chú ý tới xu hướng số hóa dịch vụ ngân hàng, lấy khách hàng làm trung tâm trở nên phổ biến và hành vi người tiêu dùng có sự thay đổi mạnh mẽ từ tương tác giới hạn trong môi trường off-line, gặp mặt trực tiếp nhân viên ngân hàng sang môi trường giao dịch trực tuyến không gặp mặt, tiếp cận và sử dụng dịch vụ ngân hàng liên tục, mọi lúc, mọi nơi trên nhiều loại thiết bị di động. Bối cảnh mới này đòi hỏi các ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán phải đầu tư, ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ 4.0 nhằm cung cấp nhiều sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới; đẩy mạnh khai thác, phân tích dữ liệu thông minh để thấu hiểu khách hàng, qua đó cung cấp các sản phẩm, dịch vụ an toàn, tiện lợi, cá nhân hóa với giá cả hợp lý bằng công nghệ tiên tiến; bảo vệ bí mật khách hàng, ngăn ngừa tấn công mạng;...

Trong bối cảnh đó, Banking Vietnam 2019 có chủ đề “Tài chính toàn diện trong xu thế phát triển của nền kinh tế không dùng tiền mặt” với những thảo luận và chia sẻ từ các diễn giả, chuyên gia hàng đầu trong và ngoài nước sẽ cung cấp nhiều thông tin, đưa ra những nhận định, đánh giá toàn diện, khách quan về thực trạng, cơ hội và thách thức trong triển khai chiến lược tài chính toàn diện gắn với chủ trương thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, từ đó đề xuất các kiến nghị, giải pháp cụ thể, thiết thực, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện và trình độ phát triển của Việt Nam...

Ngay sau phần khai mạc, tại phiên Báo cáo chính của Hội thảo có chủ đề “Tài chính toàn diện trong xu thế phát triển của nền kinh tế không dùng tiền mặt”, các đại biểu dự Hội thảo đã phân tích mối quan hệ giữa thúc đẩy tài chính toàn diện và phát triển nền kinh tế không dùng tiền mặt, thực trạng, cơ hội cũng như khó khăn, thách thức trong triển khai thanh toán không dùng tiền mặt và thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam. Hội thảo đã thảo luận và gợi mở nhiều giải pháp và kinh nghiệm từ các quốc gia khác như phát triển công nghệ lõi hỗ trợ các ngân hàng triển khai và quản lý dịch vụ tài chính, xây dựng hệ sinh thái tài chính đa dạng, phát triển hệ thống thanh toán và dịch vụ thanh toán nhằm hướng nền kinh tế phát triển theo xu thế không sử dụng tiền mặt.

Banking Việt Nam 2019 cũng đã diễn ra phiên Hội thảo với chuyên đề “Quản trị rủi ro trong cung ứng dịch vụ tài chính nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện và phát triển nền kinh tế không dùng tiền mặt”. Tại Hội thảo này, các đại biểu cho rằng, trong xu thế phát triển nền kinh tế không dùng tiền mặt, các ngân hàng Việt Nam đã nhanh chóng nắm bắt và chú trọng phát triển các dịch vụ thanh toán số, ngân hàng số và có những bước tiến vượt bậc. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, các ngân hàng cần tiếp tục đầu tư, ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ 4.0, giải pháp mới, mô hình sáng tạo nhằm ngăn ngừa rủi ro an ninh mạng, bảo vệ bí mật khách hàng, đẩy mạnh khai thác, phân tích dữ liệu thông minh để thấu hiểu khách hàng, qua đó cung cấp các sản phẩm, dịch vụ an toàn, tiện lợi, hợp nhu cầu khách hàng.

Theo các đại biểu tại phiên Hội thảo “Đa dạng hóa tổ chức và kênh cung ứng dịch vụ tài chính nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện và phát triển nền kinh tế không dùng tiền mặt”, việc cung cấp dịch vụ tài chính đến tất cả người dân và tổ chức trong nền kinh tế

còn gặp nhiều rào cản như là chi phí dịch vụ, khoảng cách địa lý, thời gian cung cấp dịch vụ, chất lượng dịch vụ... Do đó, việc đa dạng hóa tổ chức và kênh cung ứng dịch vụ tài chính là một giải pháp hiệu quả trong việc cung ứng dịch vụ tài chính hiện đại. Việt Nam có cơ cấu dân số trẻ, tỷ lệ sử dụng Internet và mobile tăng trưởng rất nhanh, cùng với sự xuất hiện của nhiều công ty công nghệ tài chính Fintech và các hoạt động tài chính vi mô ngày càng phát triển là các điều kiện thuận lợi thúc đẩy tài chính toàn diện và phát triển thanh toán điện tử trong nền kinh tế.

Tại Banking Việt nam 2019, song song với các phiên Hội thảo, hoạt động triển lãm cũng đã diễn ra rất sôi nổi với khoảng 30 đơn vị tham gia triển lãm, trong đó có các ngân hàng trong nước như Vietcombank, LienvietPostbank, OCB, các công ty Fintech như VN pay, nhiều công ty cung cấp giải pháp công nghệ ngân hàng quốc tế như Miraway, Clayfin... Các đơn vị tham gia triển lãm đã giới thiệu nhiều giải pháp công nghệ có tính thực tiễn cao phục vụ phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, bảo mật thông tin, gia tăng trải nghiệm khách hàng, gia tăng hiệu quả quản trị rủi ro.

Theo sbv.gov.vn.

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Hội thảo đào tạo IPAF lần thứ 6.

Thời gian tổ chức: 28/05/2019

Đơn vị thực hiện: Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)

Nội dung hội thảo:

Từ ngày 27- 28 /5/2019, tại Hà Nội, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) phối hợp tổ chức hội thảo đào tạo Diễn đàn các công ty quản lý tài sản công quốc tế (IPAF) lần thứ 6. Hội thảo có sự tham gia của các chuyên gia quốc tế, tổ chức thành viên IPAF.

Diễn đàn IPAF là sáng kiến được đề xuất tại Hội nghị quốc tế về phát triển ngành tài chính toàn cầu do Bộ Tài chính Việt Nam phối hợp với ADB và Công ty Quản lý tài sản Hàn Quốc (KAMCO) tổ chức tại Hà Nội năm 2012.

Vào tháng 5/2013, IPAF chính thức được thành lập tại Seoul, Hàn Quốc gồm 7 thành viên sáng lập đến từ Việt Nam, Trung Quốc, Kazakhstan, Hàn Quốc và Thái Lan, trong đó DATC là đại diện của Việt Nam tham gia với vai trò thành viên sáng lập diễn đàn. Tính đến nay, IPAF có 13 thành viên, gồm 9 thành viên chính thức và 4 thành viên liên kết. Trong đó thành viên chính thức là những AMC công do Nhà nước làm chủ sở hữu và được Chính phủ sử dụng như là công cụ kinh tế để xử lý nợ/tài sản xấu. Thành viên

liên kết là những tổ chức liên quan không nhất thiết phải hoạt động dưới hình thức AMC.

Kể từ khi IPAF được thành lập đến nay, các thành viên IPAF đã tổ chức 5 chương trình Hội thảo đào tạo tại các quốc gia Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, Mông Cổ. Thông qua các chương trình Hội thảo đào tạo, các chuyên gia quốc tế, tổ chức thành viên IPAF đã có những cơ hội chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm thực tế, hữu ích trong lĩnh vực quản lý tài chính, mua bán, xử lý nợ xấu, từ đó đánh giá, đề xuất những giải pháp phù hợp trong công tác quản lý tài sản xấu với các nhà hoạch định chính sách của từng quốc gia, khu vực, qua đó nhằm đảm bảo ổn định tình hình tài chính – kinh tế vĩ mô.

Phát biểu tại hội thảo, ông Lê Hoàng Hải - Chủ tịch Hội đồng thành viên DATC cho biết, hiện nền kinh tế thế giới có nhiều diễn biến khó lường do căng thẳng thương mại leo thang, xu hướng bảo hộ mậu dịch gia tăng, nguy cơ xung đột vũ trang xảy ra đe dọa sự ổn định tài chính – kinh tế của từng quốc gia và khu vực, trong đó có khu vực châu Á. Chính vì vậy, hội thảo đào tạo IPAF lần này được tổ chức nhằm tập trung thảo luận, trao đổi và chia sẻ kiến thức trong lĩnh vực quản lý tài sản xấu để hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách của từng quốc gia, khu vực đưa ra những giải pháp cần thiết đảm bảo sự ổn định tài chính – kinh tế.

Theo chương trình, các chuyên gia, các nhà hoạch định chính sách về lĩnh vực tài chính, mua bán, xử lý nợ, quản lý tài sản được mời thuyết trình về những vấn đề tài chính tại châu Á. Tại hội thảo đào tạo IPAF lần thứ 6, chuyên gia ADB, chuyên gia quốc tế, đại diện thành viên IPAF sẽ tập trung bàn thảo, chia sẻ và trao đổi các nội dung quan trọng.

Cụ thể trong phiên về tổng quan sự ổn định tài chính kinh tế khu vực tại châu Á, đại diện thành viên IPAF và các chuyên gia chia sẻ về vai trò của công ty xử lý nợ (AMC) và vai trò của Chính phủ trong việc áp dụng mô hình AMC phù hợp. Trong đó, có giới thiệu bài học kinh nghiệm của châu Âu về cơ chế xử lý nợ, cũng như kinh nghiệm về việc chuyển đổi mô hình hoạt động từ công cụ của Chính phủ sang hoạt động theo cơ chế thị trường.

Trong phiên thảo luận ngày 28/5 với chủ đề về khuôn khổ pháp lý hiệu quả và sự phát triển của thị trường mua bán, xử lý nợ châu Á và Việt Nam, các diễn giả sẽ tập trung phân tích về mô hình hoạt động và cơ chế hình thành phát triển AMC công; xu hướng, chiến lược phát triển thị trường mua bán, xử lý nợ tại châu Á, trong đó có Việt Nam, qua đó phân tích vai trò của các AMC công trong việc tạo lập, dẫn dắt thị trường mua bán, xử lý nợ.

Phát biểu chào mừng tại phiên thảo luận ngày 28/5, Phó Tổng giám đốc VAMC Đỗ Giang Nam cho biết, tăng cường ổn định tài chính khu vực luôn là một mục tiêu mà các quốc gia thành viên tham gia Diễn đàn IPAF quan tâm hàng đầu. Hội thảo đào tạo được tổ chức với mong muốn từ những vấn đề diễn ra trong thực tiễn của các nước, chúng ta

sẽ tiếp tục tìm tòi, áp dụng những kinh nghiệm từ thực tiễn để nâng cao nhận thức, hiểu biết về thị trường mua bán, xử lý nợ châu Á và Việt Nam, góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu ổn định tài chính khu vực.

Phó Tổng giám đốc VAMC cho biết thêm, các tham luận đã phản ánh nhiều góc nhìn khác nhau về những yếu tố ảnh hưởng đến sự ổn định tài chính tại châu Á, vai trò của các AMC, bài học kinh nghiệm về chuyển đổi mô hình hoạt động từ công cụ của Chính phủ sang hoạt động theo cơ chế thị trường, bài học kinh nghiệm về cơ chế xử lý nợ... Chúng tôi đánh giá cao và trân trọng cảm ơn các quý vị vì những đóng góp to lớn đó. “Với vai trò là thành viên đồng tổ chức Hội thảo đào tạo IPAF lần thứ 6, VAMC mong muốn thông qua Hội thảo giới thiệu với cộng đồng các thành viên trong Diễn đàn về hình ảnh đất nước, con người và môi trường, cơ chế mua bán xử lý nợ của Việt Nam trong xu thế đổi mới và hội nhập. Hội thảo là dịp để các đại biểu trao đổi, tiếp nhận thông tin, ý tưởng và chia sẻ kinh nghiệm, mở ra nhiều cơ hội hợp tác quan trọng trong lĩnh vực mua bán và xử lý nợ”, ông Nam nhấn mạnh.

Được biết, hội thảo lần này là hoạt động thường niên do ADB và thành viên giữ vai trò Chủ tịch luân phiên IPAF đồng tổ chức. Hội thảo được tổ chức với mục đích đào tạo chuyên môn cho cán bộ các đơn vị là thành viên IPAF. Tháng 11/2018, với vai trò là Chủ tịch luân phiên của IPAF, DATC đã chủ trì, phối hợp với ADB tổ chức Hội nghị thường niên và Hội nghị quốc tế Diễn đàn IPAF lần thứ 4 với chủ đề “Củng cố an ninh tài chính Châu Á và giải pháp thực hiện”, tại Thủ đô Hà Nội. Hội nghị đã tiếp đón hàng trăm khách mời tham dự đến từ các bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tổ chức tài chính quốc tế, các tổ chức tín dụng, tổ chức xử lý nợ, chuyên gia trong nước và quốc.

Theo sbv.gov.vn.

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

ẤN PHẨM KHOA HỌC THÁNG 5 -2019**1. Cuộc Cách Mạng Nền Tảng**

Nguồn: NXB Công thương

Tác giả: Nhiều tác giả

Dịch giả: Huỳnh Hữu Tài

Giới thiệu ấn phẩm:

Airbnb, Uber, Grab, YouTube, Amazon, Facebook, Twitter... những cái tên xuất hiện không lâu trên thị trường nhưng đã tạo ra những thay đổi chấn động và hiện đang dẫn đầu trong lĩnh vực của mình. Điểm chung giữa chúng là gì?

Đó là KINH DOANH THEO MÔ HÌNH NỀN TẢNG.

Platform Revolution – Cuộc cách mạng nền tảng – là một cuốn sách tổng hợp về cuộc cách mạng thay đổi nền tảng khởi nghiệp trong mọi lĩnh vực trên toàn thế giới.

Hãy nói đến Airbnb, một công ty cung cấp dịch vụ lưu trú nhưng không sở hữu bất kỳ phòng ốc, nhân viên dọn phòng hay một số tiền khổng lồ để xây dựng khách sạn và nâng cấp cơ sở hạ tầng nào và sau 8 năm hoạt động, giá trị của nó đã đạt hơn 15 tỷ đô, hoạt động tại 119 quốc gia, phục vụ trên 10 triệu lượt khách; thành công của Airbnb khiến những tập đoàn khách sạn lớn cũng phải ghen tị. Quan trọng hơn, khi các khách sạn đã cháy phòng thì Airbnb vẫn có phòng và luôn sẵn sàng.

RelayRides, một startup khá mới mẻ trong dịch vụ vận chuyển, đã kết nối khách hàng với khách hàng bằng dịch vụ cho mượn xe của họ. Khi bạn phải bay sang một thành phố khác trong vài ngày, thay vì phải đỗ xe ở sân bay và trả tiền cho chỗ đỗ xe đó thì RelayRides giúp bạn tiết kiệm khoản tiền này và kiếm thêm một khoản khác bằng cách cho hành khách bay đến thành phố của bạn thuê xe. Ai ai cũng có lợi, trừ những công ty cho thuê xe kiểu truyền thống như Herzt.

Nói về truyền thông, các đài truyền hình phải xây dựng trường quay, thuê đội ngũ nhân viên hùng hậu; nhưng với YouTube, người sử dụng tự xây dựng nội dung cho kênh của họ và ảnh hưởng của nó lan rộng đến mức các kênh truyền hình lớn cũng phải xây dựng kênh riêng cho mình trên YouTube bên cạnh những kênh truyền thống của mình.

Cuộc chiến Uber, Grab và những hãng taxi truyền thống đang là một đề tài nóng ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Trong vòng 5 năm họ đã xây dựng được một công ty trị giá 50 tỷ đô và có mặt trên 200 quốc gia dù không sở hữu bất kỳ một phương tiện giao thông nào.

Điểm chung của tất cả những ví dụ trên chính là mô hình nền tảng, một cuộc cách mạng kinh doanh đang diễn ra khắp nơi trên thế giới. Trong mô hình này, những tương tác sinh giá trị giữa các nhà sản xuất bên ngoài và người tiêu dùng được tạo điều kiện để diễn ra trên một nền tảng cung cấp sẵn cơ sở hạ tầng mở, bất cứ ai cũng có thể tham gia và tuân theo các quy tắc của nhà cung cấp nền tảng. Mục tiêu cuối cùng của nền

tảng là tạo sự tương hợp giữa những người sử dụng và giúp các giao dịch hàng hóa, dịch vụ diễn ra, từ đó cho phép tạo giá trị cho tất cả những người tham gia.

Mô hình nền tảng là một thách thức lớn cho mô hình đường ống (pipeline) truyền thống, tức là doanh nghiệp phải đi qua từng bước một để hình thành giá trị của sản phẩm hay dịch vụ: trước tiên là thiết kế rồi sản xuất hàng hoá hay dịch vụ, sau đó mới đưa vào kênh phân phối, quảng bá sản phẩm, khách hàng mới tìm đến, mua và sử dụng sản phẩm, dịch vụ. Mô hình truyền thống rất đơn giản trong khi mô hình nền tảng là một ma trận kết năng động, kết nối tất cả mọi người với nhau. Nó lấp vào những chỗ trống, những khoảng cách giữa những tập đoàn đa quốc gia hay các công ty lớn, một dạng “du kích” trên thương trường, cơ hội cho những công ty nhỏ, những người mới khởi nghiệp.

Hãy đọc cuốn sách này để hiểu được sự thay đổi của thế giới và định hướng cho sự khởi nghiệp của mình trong xu hướng của thế giới. Học được cách nhìn của những bản nguyên thành công, học từ những quá trình vất vả, thất bại của những startups để rút ra bài học cho chính mình trước khi khởi nghiệp.

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)